|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÒA BÌNH**  Số: /2025/QĐ-UBND |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hòa Bình, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO 2**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, nộp tiền đối với diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt năm 2018;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số ....../TTr-STC ngày...../.... /2024,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức thu, tỷ lệ % xác định số thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức nước ngoài có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

**Điều 2.** Quy định mức thu và thời gian nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

1. Mức thu:

Mức thu = Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp x (nhân) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất x (nhân) 80% (Tám mươi phần trăm).

Trong đó:

a) Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

b) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Thời hạn nộp

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Sở Tài chính ban hành thông báo khoản tiền phải nộp, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp có trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách cấp tỉnh tại Kho bạc Nhà nước Hòa Bình, Tài khoản 7111 thu ngân sách; tiểu mục 4914; Mã cơ quan thu 1036694 - Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình và điều tiết 100% cho ngân sách cấp tỉnh.

**Điều 3.**Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ hồ sơ đề nghị xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, xác định số tiền và ban hành thông báo nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp; theo dõi, hạch toán số tiền phải nộp, đã nộp, còn phải nộp, đúng thời hạn, không đúng thời hạn; trường hợp chưa nộp đủ, thực hiện đôn đốc và báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp giải quyết kịp thời.

b) Chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, hàng năm xây dựng dự toán khoản thu tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; Tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Cục Thuế tỉnh

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xây dựng dự toán khoản thu tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; gửi Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Kho bạc nhà nước

a) Thực hiện thu khoản tiền mà các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trong lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước theo thông báo của Sở Tài chính, tiền chậm nộp theo các quy định hiện hành về thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước tỉnh. Hạch toán đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước và điều tiết cho các cấp ngân sách theo đúng quy định.

b) Kiểm tra số tiền chậm nộp do người nộp tiền tự xác định. Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng.

5. Sở Tài nguyên và môi trường

a) Căn cứ bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cơ ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao), có văn bản xác định vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa gửi Sở Tài chính xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp.

b) Kiểm tra việc thực hiện nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa của cơ quan, tổ chức được nhà nước nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trước khi giao đất ngoài thực địa.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Kiểm tra việc thực hiện nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trước khi giao đất ngoài thực địa.

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân theo quy định; Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kê khai, xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa.

7. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa: Có trách nhiệm kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp gửi Cơ quan Tài chính và nộp đầy đủ, đúng thời hạn số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào Kho bạc Nhà nước theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan. Thời điểm kê khai thực hiện trước khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

**Điều 4.** Hiệu lực thị hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 5.** Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như điều 3;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài chính;  - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;  - HĐND tỉnh;  - Các ban HĐND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh (CT, các PCT);  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Uỷ ban MTTQVN tỉnh;  - TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT. KTTH. | **TM.UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Bùi Văn Khánh** |